TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2025/DS-ST
Ngày: 19/10/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- T3 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Hưởng

Ông Vừ A Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 19 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2025/TLST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-DS ngày 27/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Xuân T3, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Khu 1 thôn Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình nay là xã A, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 10, phường T2, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nay là tổ 10, phường Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị T4, sinh năm 1995; Nơi thường trú: Số nhà 119, tổ dân phố 08, phường N, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nay là Số nhà 119, tổ 08, phường M, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Xóm 10, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình nay là xóm 10, xã K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2025, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên anh Đỗ Xuân T3 cho chị Trần Thị T4 vay số tiền là 126.000.000 đồng. Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Điện Biên, số công chứng: 673, quyển số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/4/2022 có nội dung: anh T3 đồng ý cho chị T4 vay 126.000.000 đ (Một trăm hai sáu triệu đồng), chị T4 đã nhận đủ số tiền trên, thời hạn vay tiền là 02 năm từ 15/4/2022 đến hết ngày 15/4/2024, lãi suất vay do hai bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 50% trên mức dư nợ quá hạn một tháng.

Quá thời hạn vay tiền, mặc dù anh T3 đã liên hệ, tìm gặp chị T4 nhiều lần để đòi nợ nhưng chị T4 không có khả năng trả nợ, vì vậy anh T3 phải khởi kiện để đòi lại tiền gốc và lãi theo đơn khởi kiện: tiền gốc là 126.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2 năm là: 50.400.000 đồng và lãi quá hạn 13 tháng là: 68.250.000 đồng, Tổng là 244.650.000 đồng. Chị T4 hiện vẫn đăng ký thường trú tại số nhà 119, tổ dân phố 08, phường N, T3 phố Điện Biên Phủ nay là Số nhà 119, tổ 08, phường M, tỉnh Điện Biên nhưng gần đây, chị T4 chuyển về sinh sống tại xóm 10, xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình nay là xóm 10, xã Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình nên anh T3 đề nghị tòa án gửi các văn bản tố tụng đến địa chỉ mới của chị T4.

Về phía bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hoà giải và vắng mặt tại các phiên toà.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có ý kiến rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi trong hạn và quá hạn. Anh T3 chỉ yêu cầu chị T4 trả lại toàn bộ tiền gốc là 126.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xem xét tài liệu chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Toà án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Toà án thụ lý yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại: số nhà 119, tổ dân phố 08, phường N, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nay là Số nhà 119, tổ 08, phường M, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo loại việc, theo cấp và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa T3 niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên toà, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227/BLTTDS.

[4] Về nội dung vụ án:

Tại Hợp đồng vay tiền ở Văn phòng công chứng Điện Biên, số công chứng: 673, quyển số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/4/2022 có công chứng viên xác nhận đã thể hiện anh T3 cho chị T4 vay 126.000.000 đ, chị T4 đã nhận đủ số tiền trên, thời hạn vay tiền là 02 năm từ 15/4/2022 đến hết ngày 15/4/2024, lãi suất vay do hai bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 50% trên mức dư nợ quá hạn một tháng. Quá thời hạn cho vay, chị T4 không trả tiền cho anh T3 nên anh T3 có quyền đòi lại số tiền vay là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 116, Điều 166, Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như phôtô đơn khởi kiện và các tài chứng cứ của nguyên đơn cho bị đơn được biết, bi đơn đã nhận được các văn bản trên nhưng bị đơn không có văn bản trình bày, cũng không tham gia các phiên tòa, phiên họp. Điều đó chứng tỏ bị đơn đã tự từ bỏ quyền của mình và không có ý kiến phản bác gì với nguyên đơn.

Đối với tiền lãi do anh T3 đề nghị rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền lãi trong hạn là: 50.400.000 đồng và lãi quá hạn là: 68.250.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí:

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận bên bị đơn chị Trần Thị T4 phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 về án phí lệ phí Toà án: 5% x 126.000.000 đồng = 6.300.000 đồng. Trả lại số tiền tạm ứng cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa T3 niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 116, Điều 166, Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn chị Trần Thị T4 có trách nhiệm trả cho anh Đỗ Xuân T3 số tiền là: **126.000.000 đ** (Một trăm hai sáu triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với 50.400.000 đồng tiền lãi trong hạn và 68.250.000 đồng tiễn lãi quá hạn.

2. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Đỗ Xuân T3 cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng chị Trần Thị T4 còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị đơn chị Trần Thị T4 phải chịu 6.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị đơn chưa nộp số tiền này. Trả lại nguyên đơn anh Đỗ Xuân T3 6.116.250 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 20 ngày 20/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Điện Biên Phủ nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Điện Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/10/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát khu vực 1-ĐB;
- THADS tỉnh ĐB;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà